

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

MỤC LỤC



<i>THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</i>	
<i>TỔNG QUAN CÔNG TY</i> -----	1
1. Thông tin công ty	
2. Thông tin tổ chức niêm yết	
<i>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</i> -----	2
1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010	
2. Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc	
3. Báo cáo tình hình tài chính	
4. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính	
5. Trách nhiệm của Ban Giám đốc	
<i>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</i>	
1. Báo cáo kiểm toán-----	4
2. Bảng cân đối kế toán-----	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ-----	7
4. Thuyết minh báo cáo tài chính-----	9
<i>BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY</i>	
<i>TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ</i>	
1. Cơ cấu tổ chức của công ty-----	23
2. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành	
3. Số lượng CBCNV tại đơn vị-----	24
4. Thay đổi Giám đốc điều hành	
<i>THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN</i>	
1. Thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát-----	25
2. Cổ đông và các thành viên góp vốn	
- Cổ đông trong nước	
- Cổ đông nước ngoài	
- Thông tin các cổ đông lớn	
<i>CÁC THÔNG TIN KHÁC</i> -----	26

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông!

Năm 2010, trong bối cảnh kinh tế thế giới và kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn đặc biệt ngành du lịch thực sự chưa được khởi sắc, các nhân tố ảnh hưởng suy thoái kinh tế, thất nghiệp, vật giá leo thang... đã ảnh hưởng rất lớn đến lượng khách quốc tế đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Chính sách giảm giá, đồng loạt các dịch vụ lưu trú tại khu vực trung tâm cũng đã phản ánh thực trạng lượng khách đến du lịch tại Thành phố có xu hướng giảm dần. Năm qua, Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn đã đạt được doanh số là 26.364.186.000 đồng. Trong đó:

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 10.917.481.000 đồng, tăng 121,31% so với kế hoạch năm;
- Tỷ lệ lãi trước thuế trên doanh thu đạt 41,41% tăng 28,83% so với kế hoạch năm và tăng 25,40% so với năm 2009.

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực, nhưng năm 2010 không phải là năm mà Công ty Cổ Phần Khách Sạn Sài Gòn không có những thách thức, cơ sở vật chất không phù hợp, kiến trúc không đồng nhất ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh, quảng bá thương hiệu cũng như việc xác định thị trường mục tiêu cho chiến lược kinh doanh lâu dài.

Nhận định được tiềm năng phát triển tương lai, Công Ty Cổ Phần Khách sạn Sài Gòn đã xây dựng kế hoạch sửa chữa và nâng cấp Khách sạn. Kế hoạch nâng cấp và sửa chữa cũng đã được thông qua tại Đại Hội Đồng cổ đông năm 2010.

Thay mặt toàn thể công ty, tôi chân thành cảm ơn các cổ đông, các đối tác đã luôn tin nhiệm và ủng hộ Công ty Cổ Phần Khách sạn Sài Gòn, đồng thời trân trọng những nỗ lực to lớn của CBCNV đã đóng góp công sức vào sự phát triển của Công ty trong thời gian qua.

Kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, đoàn kết hợp tác và thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch

Lê Ngọc Cơ

TỔNG QUAN CÔNG TY:

1. Thông tin công ty:

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số 213/QĐ-UB-KT do Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM ban hành ngày 15/01/1997 và hoạt động cho đến nay.

Tên đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN**
Tên giao dịch : SAIGON HOTEL
Trụ sở : 41 – 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Số điện thoại : (848) 38299 734 / Fax: (848) 38291 466
Website: www.saigonhotel.com.vn – Email: saigonhotel@hcm.vnn.vn

Ngành nghề kinh doanh chính:

Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê
Kinh doanh ăn uống và vũ trường
Thu đổi ngoại tệ cho khách. (Theo giấy phép của cơ quan chức năng)
Dịch vụ du lịch, lữ hành Quốc tế và trong nước
Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm
Dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn
Vận chuyển khách du lịch
Kinh doanh Karaoke
Dịch vụ xoa bóp, dịch vụ xông hơi
Mua bán rượu, mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước
Dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.
Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế
Dịch vụ giặt, hấp ủi
Vốn điều lệ : 17.662.969.959 đồng VN

2. Thông tin tổ chức niêm yết:

Số cổ phiếu lưu hành : 1.766.300 cổ phiếu
Mã cổ phiếu : SGH
Sàn giao dịch : HNX

Giấy phép kinh doanh: số 0300850255 ngày 28.12.2010 do Sở KH-ĐT cấp, ĐK thay đổi lần thứ 10 ngày 28.12.2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 từ trang 5 đến trang 22 kèm theo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Ngọc Cơ	Chủ tịch
Ông Trương Thanh Châu	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên
Bà Võ Ngọc Xuân	Thành viên
Ông Trần Huy Thăng	Thành viên
Ông Trần Kim Long	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Anh Phi	Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Phó Giám đốc
Ông Trương Thanh Châu	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài các sự kiện được nêu trong Thuyết minh số 24.1 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

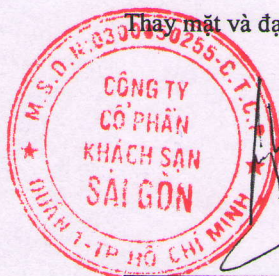
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Anh Phi
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010:

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2009	KH 2010	THỰC HIỆN 2010	TH 10 TH 09 (%)	TH 10 KH 10 (%)
I	DOANH THU	26.299.897	28.000.000	26.364.186	100,24	94,16
II	Lãi trước thuế	9.937.338	9.000.000	10.917.481	109,861	121,31
2.1	Lãi kinh doanh	8.684.963	7.666.667	9.720.149	111,90	126,78
2.2	Lãi PPV	1.252.375	1.333.333	1.197.333	95,61	89,80
III	Lãi sau thuế	8.069.106	6.750.000	8.320.386	103,11	123,26
3.1	Lãi kinh doanh	7.325.038	5.750.000	7.436.755	101,53	129,33
3.2	Lãi PPV		1.000.000	883.631		88,36
IV	Tỷ lệ lãi trước thuế trên DT	33,02	32,14	41,41	125,40	128,83
V	Tỷ lệ lãi sau thuế trên DT	30,68	24,11	31,56	102,86	130,91
VI	Số lượng cổ phần	1.766.300	1.766.300	1.766.300	100,00	100,00
VII	Lãi cơ bản/ 1 CP	4.417 đồng	3.255 đồng	4.210 đồng	101,53	129,33

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 ngày 9/6/2009 quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông là: 2.000 đồng cho mỗi cổ phần, bằng 20% trên vốn điều lệ.

Báo cáo tình hình đầu tư chứng khoán đến ngày 31/12/2010 như sau:

Tên cổ phiếu	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị đầu tư (1,000 đồng)	Giá mua bình quân (đồng/cp)	Giá thị trường đến 31/12/2010 (đồng/cp)	Chênh lệch (đồng/cp)
I. Cổ phiếu ngắn hạn:		136.595			
CTY CP XNK Khánh Hội	3.240	65.446	20.199	17.530	(2.669)
CTY CP gạch men Thanh Thanh	1.450	42.690	29.441	6.500	(22.941)
CTY CP Bao bì dầu thực vật	1.000	28.459	28.459	8.900	(19.559)
II. Cổ phiếu dài hạn:		4.154.900			-
Ngân hàng CP Phương Đông	326.717	2.794.900	8.554	12.000	3.446
Trường ĐH Hoa Sen	100.000	1.360.000	13.600	13.600	-

Tổng giá trị đầu tư đến 31/12/2010 là: 4.291.495.000 đồng, tổng giá trị vốn hóa trên thị trường tại thời điểm 31/12/2010 là: 5.355.726.200 đồng. Tính bình quân chung giá trị các khoản đầu tư so với thị trường thì các khoản đầu tư này lãi: 1.064.231.200 đồng



Số: *AO* /2011/UHYHCM - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 01 tháng 03 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Tự Trung
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Tô Thị Thanh Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.781.986.816	20.455.601.405
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.521.835.994	7.639.987.209
Tiền	111		1.021.835.994	1.639.987.209
Các khoản tương đương tiền	112		9.500.000.000	6.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.506.504.810	9.496.184.264
Đầu tư ngắn hạn	121		10.567.514.810	9.529.240.664
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(61.010.000)	(33.056.400)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.453.639.450	3.182.855.053
Phải thu khách hàng	131		1.865.397.581	1.707.748.524
Trả trước cho người bán	132		1.294.827.872	720.229.693
Các khoản phải thu khác	135	6	998.802.484	1.403.806.771
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(705.388.487)	(648.929.935)
Hàng tồn kho	140		230.006.562	136.574.879
Hàng tồn kho	141	7	230.006.562	136.574.879
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		70.000.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		70.000.000	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.330.009.104	16.414.827.053
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		9.634.319.049	11.216.463.061
Tài sản cố định hữu hình	221	11	9.634.319.049	11.216.463.061
- Nguyên giá	222		33.312.070.821	32.991.534.747
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.677.751.772)	(21.775.071.686)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		945.192.000	945.192.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(945.192.000)	(945.192.000)
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.154.900.000	4.154.900.000
Đầu tư dài hạn khác	258	8	4.154.900.000	4.154.900.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		540.790.055	1.043.463.992
Chi phí trả trước dài hạn	261		240.790.055	743.463.992
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	9	300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.111.995.920	36.870.428.458

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.641.374.259	3.474.388.152
Nợ ngắn hạn	310		2.227.477.240	2.832.653.133
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		190.163.356	144.874.640
Người mua trả tiền trước	313		112.780.133	103.601.931
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	974.149.921	1.737.778.187
Phải trả người lao động	315		60.387.026	672.302.444
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	424.094.132	174.095.931
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		465.902.672	-
Nợ dài hạn	330		413.897.019	641.735.019
Phải trả dài hạn người bán	331		108.797.019	108.797.019
Phải trả dài hạn khác	333	14	305.100.000	532.938.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.470.621.661	33.396.040.306
Vốn chủ sở hữu	410	15	36.470.621.661	33.396.040.306
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.662.969.959	17.662.969.959
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.868.174.955	1.868.174.955
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.537.067.072	1.537.067.072
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.766.296.996	1.766.296.996
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.636.112.679	10.561.531.324
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.111.995.920	36.870.428.458

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
Tài sản thuê ngoài				
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
Nợ khó đòi đã xử lý				
Ngoại tệ các loại				
		USD	8.294,03	5.498,75

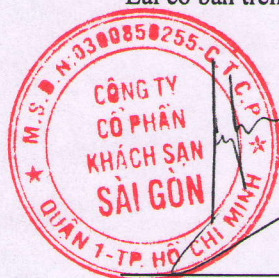


Nguyễn Hoàng Anh Phi
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Võ Thanh Bình
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	26.364.185.502	26.299.879.328
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	17	405.944.795	517.889.585
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	25.958.240.707	25.781.989.743
Giá vốn hàng bán	11	19	14.348.464.104	10.919.938.677
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.609.776.603	14.862.051.066
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.367.192.038	1.866.008.423
Chi phí tài chính	22	21	28.828.235	109.833
Chi phí bán hàng	24		-	4.184.826.490
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.061.313.795	2.735.220.443
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.886.826.611	9.807.902.723
Thu nhập khác	31		262.108.969	129.435.186
Chi phí khác	32		231.454.248	-
Lợi nhuận khác	40		30.654.721	129.435.186
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.917.481.332	9.937.337.909
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	2.597.095.608	1.736.158.324
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.320.385.724	8.201.179.585
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	4.210	4.643

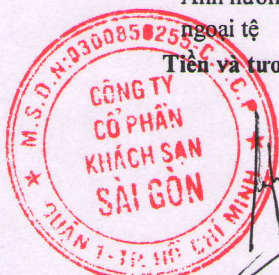


Nguyễn Hoàng Anh Phi
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Võ Thanh Bình
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	10.917.481.332	9.937.337.909
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	2	2.280.585.173	2.430.748.701
Các khoản dự phòng	3	56.458.552	(45.152.600)
Lãi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(26.129.054)	39.874.966
Lãi hoạt động đầu tư	5	(383.625.752)	(1.963.979.995)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	12.844.770.251	10.398.828.981
Tăng giảm các khoản phải thu	9	(327.242.949)	(300.808.930)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	(93.431.683)	5.352.576
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(562.661.043)	532.933.079
Tăng giảm chi phí trả trước	12	-	413.086.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.436.144.480)	(823.235.460)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	502.673.937	16.730.467
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.222.708.348)	(206.096.834)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.705.255.686	10.036.790.402
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(929.895.409)	(588.871.539)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	185.000.000	354.562.772
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.010.320.546)	(9.937.095.664)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	430.080.000	1.055.695.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.325.135.955)	(9.115.709.155)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.524.400.000)	(2.119.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.524.400.000)	(2.119.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.855.719.731	(1.198.478.753)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.639.987.209	8.841.674.928
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.129.054	(3.208.966)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	10.521.835.994	7.639.987.209



Nguyễn Hoàng Anh Phi
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Võ Thanh Bình
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 04 năm 1994. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2010, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 12 tháng 07 năm 2001, Công ty đã chính thức niêm yết 1.766.300 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với mã cổ phiếu là: SGH. Ngày 30/07/2009, Công ty đã chuyển giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại số 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh ăn uống và vũ trường;
- Thu đổi ngoại tệ cho khách;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước, và quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, mua bán sách, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn;
- Vận chuyển khách du lịch; dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh Karaoke;
- Dịch vụ xoa bóp, xông hơi;
- Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp;
- Mua bán sách (có nội dung được phép lưu hành);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2009.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyên, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm chi phí cổ phần hóa và lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp, được khấu hao trong 10 năm.

Tại ngày 31/12/2010, toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty đã được khấu hao hết.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn vào các Công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư được phản ánh trên báo cáo tài chính của công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 NGOẠI TỆ

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Chính sách kế toán này có sự khác biệt so với Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201 và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Tại 31/12/2010</u>	<u>Tại 01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	18.444.980	296.197.000
Tiền gửi ngân hàng	1.002.839.749	1.329.335.145
Tiền đang chuyển	551.265	14.455.064
Các khoản tương đương tiền	9.500.000.000	6.000.000.000
Cộng	<u>10.521.835.994</u>	<u>7.639.987.209</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2010		Tại 01/01/2010	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		136.595.000		136.595.000
- Công ty CP XNK Khánh Hội	3.240	65.446.000	3.240	65.446.000
- Công ty CP Gạch men Thanh	1.450	42.690.000	1.450	42.690.000
- Công ty CP Bao bì dầu thực vật	1.000	28.459.000	1.000	28.459.000
Đầu tư ngắn hạn khác (*)		10.430.919.810		9.392.645.664
- Tiền gửi có kỳ hạn NH Đầu tư và		7.500.000.000		9.000.000.000
- Phát triển CN TP.HCM				
- Tiền gửi có kỳ hạn NH Ngoại		2.930.919.810		392.645.664
- thương Việt Nam CN TP.HCM				
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(61.010.000)		(33.056.400)
Cộng		10.506.504.810		9.496.184.264

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Phải thu ông Lê Thành Chon tiền tài sản tổ giặt (*)	657.484.745	657.484.745
Phải thu ông Lê Chí Khâm tiền phạt thuế (*)	47.903.742	47.903.742
Phải thu về quỹ khen thưởng phúc lợi đã chi	-	433.544.873
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	282.671.737	117.300.000
Phải thu về thuế giá trị gia tăng	10.742.260	-
Phải thu khác	-	147.573.411
Cộng	998.802.484	1.403.806.771

(*) Là khoản phải thu khó đòi, đã được trích lập dự phòng 100% số dư gốc.

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	164.380.189	75.433.527
Công cụ, dụng cụ	2.034.215	2.012.273
Hàng hoá	63.592.158	59.129.079
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	230.006.562	136.574.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2010		Tại 01/01/2010	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		4.154.900.000		4.154.900.000
- Đầu tư cổ phiếu		4.154.900.000		4.154.900.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	326.717	2.794.900.000	326.717	2.794.900.000
+ Trường đại học Hoa Sen	100.000	1.360.000.000	100.000	1.360.000.000
Cộng		4.154.900.000		4.154.900.000

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Ký quỹ cung cấp dịch vụ lữ hành	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là chi phí cổ phần hóa và lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp, đã được khấu hao hết trong 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	27.406.335.462	2.942.358.164	1.722.924.814	919.916.307	32.991.534.747
- Mua trong năm	-	40.371.600	889.523.809	-	929.895.409
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(524.359.335)	(85.000.000)	(609.359.335)
Tại ngày 31/12/2010	27.406.335.462	2.982.729.764	2.088.089.288	834.916.307	33.312.070.821
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	17.808.481.770	2.030.463.090	1.331.673.007	604.453.819	21.775.071.686
- Khấu hao trong năm	1.806.673.051	254.636.709	105.162.308	114.113.105	2.280.585.173
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(319.491.184)	(58.413.903)	(377.905.087)
Tại ngày 31/12/2010	19.615.154.821	2.285.099.799	1.117.344.131	660.153.021	23.677.751.772
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	9.597.853.692	911.895.074	391.251.807	315.462.488	11.216.463.061
Tại ngày 31/12/2010	7.791.180.641	697.629.965	970.745.157	174.763.286	9.634.319.049

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.531.720.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Tại 31/12/2010</u>	<u>Tại 01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT	155.448.598	92.517.872
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	11.513.294	41.392.867
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	759.056.642	1.598.105.514
Thuế thu nhập cá nhân	48.131.387	5.761.934
Cộng	<u>974.149.921</u>	<u>1.737.778.187</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Tại 31/12/2010</u>	<u>Tại 01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo hiểm y tế	83.499.624	37.252.377
Kinh phí công đoàn	1.519.688	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	282.680.400	-
Bảo hiểm thất nghiệp	69.470	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.324.950	136.843.554
Cộng	<u>424.094.132</u>	<u>174.095.931</u>

14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>Tại 31/12/2010</u>	<u>Tại 01/01/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng - Zen bar	305.100.000	322.938.000
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng - quầy bạc	-	10.000.000
Vốn hợp tác kinh doanh hoạt động massage	-	200.000.000
Cộng	<u>305.100.000</u>	<u>532.938.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN
41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỔI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2009	17.662.969.959	1.868.174.955	606.243.320	1.595.165.604	5.062.428.296	26.794.982.134					
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	8.201.179.585	8.201.179.585					
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2009	-	-	930.823.752	-	(930.823.752)	-					
- Tạm trích cổ tức năm 2009	-	-	-	171.131.392	(171.131.392)	-					
- Tăng khác	-	-	-	-	542.344.309	542.344.309					
- Trích cổ tức từ lợi nhuận năm 2008	-	-	-	-	(2.119.560.000)	(2.119.560.000)					
- Giảm khác	-	-	-	-	(22.905.722)	(22.905.722)					
Tại ngày 31/12/2009	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	10.561.531.324	33.396.040.306					
Tại ngày 01/01/2010	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	10.561.531.324	33.396.040.306					
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	8.320.385.724	8.320.385.724					
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2009	-	-	-	-	(488.200.000)	(488.200.000)					
- Chia cổ tức 2009	-	-	-	-	(3.524.400.000)	(3.524.400.000)					
- Lợi nhuận từ phí phục vụ phải trả CNV	-	-	-	-	(883.630.958)	(883.630.958)					
- Tạm trích thù lao HĐQT từ LN 2010	-	-	-	-	(84.000.000)	(84.000.000)					
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	(265.573.411)	(265.573.411)					
Tại ngày 31/12/2010	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	13.636.112.679	36.470.621.661					

(*): Giảm khác là các khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng), chia thành 1.800.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn nắm giữ 720.000 cổ phần tương ứng với 7.200.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.080.000 cổ phần tương ứng với 10.800.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ.

Tình hình góp vốn của các cổ đông tại ngày 31/12/2010 như sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 31/12/2010 VND	Vốn góp thiếu VND
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %		
Vốn Nhà nước	7.200.000.000	40%	6.862.969.959	337.030.041
Cổ đông khác	10.800.000.000	60%	10.800.000.000	-
Cộng	18.000.000.000	100%	17.662.969.959	337.030.041

15.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.766.300	1.766.300
+ Cổ phiếu thường	1.766.300	1.766.300
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.766.300	1.766.300
+ Cổ phiếu thường	1.766.300	1.766.300
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.364.185.502	26.299.879.328
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	16.163.480.047	17.775.120.584
+ Doanh thu ăn uống	5.067.884.152	4.852.416.602
+ Doanh thu dịch vụ khác	3.935.488.516	3.672.342.142
+ Doanh thu phí dịch vụ	1.197.332.787	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	405.944.795	517.889.585
Trong đó:		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	405.944.795	517.889.585

18. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuận bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.958.240.707	25.781.989.743
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	16.163.480.047	17.775.120.584
+ Doanh thu ăn uống	5.067.884.152	4.852.416.602
+ Doanh thu dịch vụ khác	3.529.543.721	3.154.452.557
+ Doanh thu phí dịch vụ	1.197.332.787	-

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn phòng ngủ	5.539.640.867	5.654.548.106
Giá vốn ăn uống	3.531.868.778	3.773.519.581
Giá vốn dịch vụ khác	5.276.954.459	1.491.870.990
Cộng	14.348.464.104	10.919.938.677

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.759.772.532	956.335.472
Cổ tức, lợi nhuận được chia	576.630.000	895.029.804
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.660.452	14.643.147
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26.129.054	-
Cộng	2.367.192.038	1.866.008.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	96.725	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	39.874.966
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn	(8.548.800)	(45.152.600)
Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn	32.516.800	-
Chi phí tài chính khác	4.763.510	5.387.467
Cộng	28.828.235	109.833

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.917.481.332
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(529.098.902)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	56.458.552
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(585.557.454)
Tổng thu nhập chịu thuế	10.388.382.430
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	2.597.095.608
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.597.095.608

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.320.385.724	8.201.179.585
Số điều chỉnh giảm	(883.630.958)	-
<i>Phí phục vụ phải trả CNV</i>	(883.630.958)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.436.754.766	8.201.179.585
Số cổ phiếu bình quân	1.766.300	1.766.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.210	4.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. THÔNG TIN KHÁC


24.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

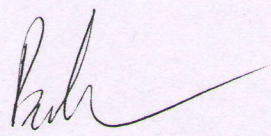
Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Khách sạn Sài Gòn số 104/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 06 năm 2010 đã thông qua chủ trương đầu tư nâng cấp, sửa chữa tổng thể Khách sạn Sài Gòn. Theo đó, Hội đồng Quản trị Công ty, thông qua Biên bản họp số 18/Biên bản-HĐQT/2010 ngày 30/12/2010, đã quyết định ngừng kinh doanh trong vòng 06 tháng năm 2011 để nâng cấp, cải tạo Khách sạn Sài Gòn. Thời gian bắt đầu dừng kinh doanh dự kiến từ ngày 01/05/2011.

24.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán.



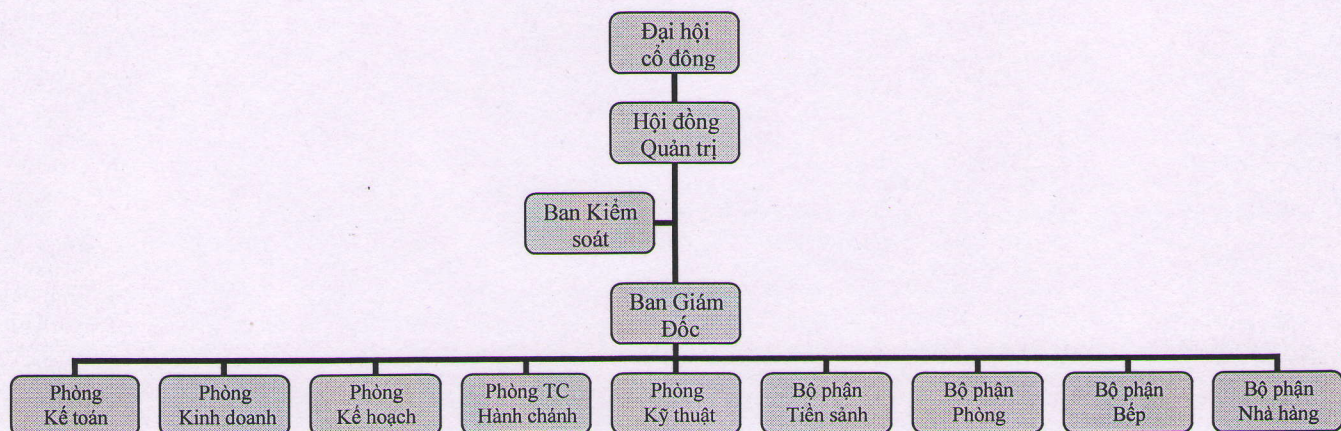

Nguyễn Hoàng Anh Phi
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011


Võ Thanh Bình
Kế toán trưởng

TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

Công Ty Cổ Phần Khách sạn Sài Gòn có cơ cấu tổ chức như sau:

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



2. Ban quản lý điều hành:

- Ông. Nguyễn Hoàng Anh Phi : Giám đốc
Sinh năm : 1970
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Anh văn, trung cấp Quản lý Khách sạn
- Ông Trương Thanh Châu : Phó Giám đốc
Sinh năm : 1953
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Bà. Nguyễn Ngọc Lan : Phó Giám đốc
Sinh năm : 1959
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Ông. Võ Thanh Bình : Kế toán trưởng
Sinh năm : 1975
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

3. Số lượng CBCNV tại đơn vị

- Tổng số nhân sự đến ngày 31/12/2010 : 76
- Số lao động có hợp đồng chính thức : 71
- Số lao động đang thử việc : 05

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên nhằm tổng kết tình hình hoạt động năm 2010, thực hiện tốt công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bổ sung cho nhu cầu phát triển của Công ty.

Công tác PCCC, an ninh trật tự luôn được chú trọng.

Hoạt động pháp lý tuân thủ đúng qui định Nhà nước, quan hệ tốt với chính quyền địa phương.

4. **Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm:** Ngày 01/ 01/ 2010, Ông Nguyễn Hoàng Anh Phi được bổ nhiệm Giám đốc Cty Cổ Phần Khách sạn Sài Gòn.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát:

Hội đồng Quản Trị hiện nay có 7 thành viên, 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 05 thành viên.

- Ông. Lê Ngọc Cơ : Chủ tịch HĐQT
Sinh năm : 1959
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thương nghiệp – Công nghệ & Tổ chức Ăn uống công cộng
- Ông. Trương Thanh Châu : Phó Chủ tịch HĐQT
Sinh năm : 1953
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Ông. Trần Huy Thăng : Thành viên HĐQT
Sinh năm : 1956
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Quản trị Khách sạn, Kinh tế thương mại

- Ông. Trần Kim Long : Thành viên HĐQT
Sinh năm : 1958
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Quản trị Nhà hàng – Khách sạn
- Bà Võ Ngọc Xuân : Thành viên HĐQT
Sinh năm : 1959
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- Bà. Nguyễn Ngọc Lan : Thành viên HĐQT
Sinh năm : 1959
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Bà. Bùi Thị Liễu : Thành viên HĐQT
Sinh năm : 1957
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Ông. Trần Doãn Định : Thành viên Ban Kiểm Soát
Sinh năm : 1978
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán kiểm toán

2. Thông tin cổ đông/ thành viên góp vốn:

- Cổ đông trong nước:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
Pháp nhân	18	845,550	47,87%
Thể nhân	193	214,920	12,17%

Các thể nhân nắm giữ từ 1% - 3% cổ phần:

- Ông Nguyễn Đức Huệ : 43.600 cp chiếm 2.47%
 - Ông Hàn Quốc Cường : 27.900 cp chiếm 1.58%
 - Bà Tôn Nữ Thu San : 26.020 cp chiếm 1.47%
 - Bà Nguyễn Thị Kiềm : 21.000 cp chiếm 1.19%
- Cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
Pháp nhân	7	688,790	39%
Thế nhân	57	17,040	0,96%

3. Thông tin chi tiết các cổ đông lớn:

Cổ đông pháp nhân	Tên	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề hoạt động	Số lượng cổ phiếu
1	Tổng Cty Du lịch Sài Gòn	23 Lê Lợi Q1 - TPHCM	Du lịch, Nhà hàng, Khách sạn	686,300
2	Blackhorse Enhanced VN	Blackhorse Asset Management Pte Ltd, Kỳ Đồng P.6, Q.3 TP.HCM	Quỹ đầu tư	314,710
3	Citigroup Global markets	Citigroup Center, Canada Square, canary Wharf, London E145LB, United Kingdom	Đầu tư, Tài chính	305,180
4	Citigroup Global Markets Financial Products LLC	388 Greenwich Street, New York, 10013 U.S	Đầu tư, Tài chính	66,600
5	Công ty cổ phần Bông Sen	117-123 Đồng Khởi Q1 - TPHCM	Du lịch, Nhà hàng, Khách sạn	157,720

THÔNG TIN KHÁC

- Thông tin thay đổi người theo dõi và quản lý phần góp vốn của Công ty Cổ phần Bông Sen tại Công Ty Cổ Phần Khách sạn Sài Gòn: Kể từ ngày 01/01/2011 Ông Nguyễn Văn Tân, thành viên HĐQT Công Ty Cổ Phần Bông Sen được cử là người đại diện theo dõi và quản lý phần vốn của Công ty tại Công Ty Cổ Phần Khách sạn Sài Gòn thay cho Ông Trần Kim Long nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân.
- HĐQT cũng đã chấp thuận đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Trần Kim Long từ ngày 15/04/2011 vì lý do sức khỏe.
- Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ, tham gia xây dựng, phối hợp cùng với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội nghị người lao động, điều lệ và các qui chế qui định của công ty, thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật. Đẩy mạnh vận động CNVC- LĐ nêu cao tính tự giác trong công việc và ý chí quyết tâm, hành động cụ thể phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.